

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 12.2.2022

Tam Nghiệp Thanh Tịnh Không Bị Ma Chi Phối
Kinh Mỹ Tướng (Subhasuttam)
CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ NHẤT (S.i, 103)

Mặc dù tựa bài kinh là mỹ tướng nhưng nội dung nói về cả hai hình tướng đẹp và xấu do Ác ma biến hiện. Tâm thức chúng sanh bị giao động bởi lưỡng biên đẹp, xấu hay khả ái và bất như ý. Tâm còn thiên chấp thì còn bị Ma chi phối. Đức Phật chỉ rõ giá trị của một người biết giữ tâm an nhiên đối với lưỡng cực. Để làm được điều này cần luôn tự nhắc tất cả chỉ là môi nhử của Ác ma.



Kinh Văn

Evam me sutam – ekam samayaṃ bhagavā uruvelāyaṃ viharati najjā nerañjarāya tīre ajapālanigrodhamūle paṭhamābhisambuddho. Tena kho pana samayena bhagavā rattandhakāratimisāyaṃ abbhokāse nisinno hoti, devo ca ekamekaṃ phusāyati. Atha kho māro pāpimā, bhagavato bhayaṃ chambhitattam lomahaṃsaṃ uppādetukāmo, yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavato avidūre uccāvacā vaṇṇanibhā upadaṃseti, subhā ceva asubhā ca.

Tôi được nghe như vậy:

Thuở ấy Đức Thế Tôn, sau khi vừa giác ngộ, ở gần Uruvelā, dưới cội cây ajapālanigrodha bên dòng sông Nerañjara. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi trong bóng đêm ngoài trời và trời đang nhỏ mưa từng hạt.

Bấy giờ Ác ma muốn khiến Đức Thế Tôn sợ hãi, hoảng hốt, kinh khiếp liền đi đến Thế Tôn biến hiện nhiều vàng sáng đẹp mắt và thô xấu.

**Atha kho bhagavā “māro ayam pāpimā” iti veditvā māraṃ pāpimantaṃ
gāthāhi ajjhabhāsi –**

Lúc ấy Đức Thế Tôn nhận biết “Đây là Ác ma”, Ngài nói lên kệ ngôn:

**“Saṃsaraṃ dīghamaddhānaṃ, vaṇṇaṃ katvā subhāsubhaṃ;
Alaṃ te tena pāpima, nihato tvamasī antaka.**

**“Ye ca kāyena vācāya, manasā ca susaṃvutā;
Na te māravasānugā, na te mārassa baddhagū’ti.**

Trong luân hồi diệu vợi
Biến hiện đủ đẹp, xấu
Quá đủ, hỡi Ác ma!
Bại rồi, Kẻ Hủy Diệt!

Những ái khéo điều phục
Cả thân, ngữ, và ý
Không bị Ma chi phối
Cũng chẳng là Ma quân

**Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato”ti dukkhī
dummano tathevantaradhāyīti.**

Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta" nên buồn và thất vọng
liền biến mất tại chỗ ấy.



Thích văn

Ye ca kāyena vācāya, manasā ca susaṃvutā = Ai đã khéo chế ngự thân, ngữ, ý

Na te māravasānugā = không bị Ma sai sử

na te mārassa baddhagū’ti = không là ma quân



Thích nghĩa

Theo só giải chữ baddhagū – ở đây dịch là Ma quân – mang ý nghĩa là học trò, đệ tử, người thụ huấn (baddhacarā sissā antevāsikā na honti).

*Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-*

3. Subhasuttaṃ [Mūla]

139. Evaṃ me suttaṃ – ekaṃ samayaṃ bhagavā uruvelāyaṃ viharati najjā nerañjarāya tīre ajapālanigrodhamūle paṭhamābhisambuddho. Tena kho pana samayena bhagavā rattandhakāratimisāyaṃ abbhokāse nisinno hoti, devo ca ekamekaṃ phusāyati. Atha kho māro pāpimā, bhagavato bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃsaṃ uppādetukāmo, yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavato avidūre uccāvaca vaṇṇanibhā upadaṃseti, subhā ceva asubhā ca. Atha kho bhagavā “māro ayaṃ pāpimā” iti viditvā māraṃ pāpimantaṃ gāthāhi ajjhabhāsi –

“Samsaraṃ dīghamaddhānaṃ, vaṇṇaṃ katvā subhāsubhaṃ;
Alaṃ te tena pāpima, nihato tvamasi antaka.

“Ye ca kāyena vācāya, manasā ca susaṃvutā;
Na te māraवासānugā, na te māraवासā baddhagū” [baddhabhū (ka.), paccagū (sī. syā. kaṃ. pī.)] ti.

Atha kho māro...pe... tatthevantaradhāyīti.

3. Subhasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

139. Tatiye **susaṃvutā**ti supihitā. **Na te māraवासānugā**ti, māra, te tuyhaṃ vasānugā na honti. **Na te māraवासā baddhagū**ti te tuyhaṃ māraवासā baddhacarā sissā antevāsikā na honti. Tatiyaṃ.